

Bản án số: 874/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 8 - 2020

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Châu Thị Lệ;

Bà Lê Thị Chí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1982; Địa chỉ thường trú: đường số H, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Trọng Q, sinh năm 1981; Địa chỉ thường trú: Đường T, Phường MB, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 24 tháng 12 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị H là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Hoàng Trọng Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 111/2011 ngày 14/10/2011 của UBND Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Q sống không có trách nhiệm với gia đình, bỏ bê, không chăm sóc con cái. Từ lúc sinh con đầu đến nay chỉ duy nhất một lần ông Q đóng tiền học cho con, còn lại toàn bộ chi phí ăn uống, học hành của con chỉ mình bà lo. Ngoài ra, ông Q còn thường xuyên ăn nhậu, không tôn trọng vợ và gia đình vợ.

Nhiều lần đi ăn nhậu về khuya khi vợ con đang ngủ thì ông Q gọi vợ dậy chửi mắng và có lần còn đánh bà. Không chịu được cuộc sống chung nên từ năm 2017 bà H đưa cả hai con về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Trọng Q.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng Trọng Q là bị đơn trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân là đúng, còn mâu thuẫn vợ chồng thì ông thừa nhận từ cuối năm 2017 đến nay, tiền học của con cũng như chi tiêu gia đình một mình bà H tự lo bởi ông làm nghề tự do nên thu nhập không ổn định. Việc đưa đón con đi học thường do bà H và nhờ ông nội. Ông Q do làm việc về đêm nên ban ngày phải ngủ bù không đưa đón, chăm sóc con được. Ông cũng thừa nhận có nhiều lần đi nhậu về do bức xúc nên chửi mắng vợ và gia đình vợ. Do có mâu thuẫn với cha vợ nên từ năm 2016 ông không đến thăm gia đình vợ nữa. Cuối năm 2017 bà H cùng hai con bỏ về nhà cha mẹ ruột sống đến nay, ông cũng không nói chuyện với vợ về việc hàn gắn tình cảm, không khuyên vợ trở về sống chung vì ông cũng không xác định được hiện còn tình cảm với vợ nữa hay không. Tòa án yêu cầu ông xác định rõ còn tình cảm vợ chồng hay không thì ông xác định còn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, hiện tại ông không nói chuyện với vợ về việc trở về sống chung mà phải chờ khi cha vợ chết thì ông mới nói chuyện, còn hiện tại vợ muốn sống ở đâu thì sống và ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà Hoàng Thị H và ông Hoàng Trọng Q đều khai có 02 con tên là Hoàng Mai Phương T, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2012 và Hoàng Trọng N, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2015. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, việc cấp dưỡng nuôi con sẽ do vợ chồng tự giải quyết. Bà yêu cầu được nuôi hai con vì hai con đã sống với bà nhiều năm và từ khi ly thân do một mình bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Thu nhập hàng tháng của bà H khoảng 16 triệu đồng và hiện bà đang ở cùng với cha mẹ ruột.

Ông Q yêu cầu, trường hợp ly hôn ông mong muốn được nuôi cháu Hoàng Mai Phương T, giao con Hoàng Trọng N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng và cũng không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Ông yêu cầu nuôi cháu T vì ông sợ nếu ly hôn bà H lấy chồng khác, con gái sống với cha dượng sẽ không tốt. Hiện nay ông làm về vi tính, thu nhập không ổn định khoảng 5-6 triệu/tháng và ông đang ở nhà của cha mẹ.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Hoàng Thị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, đã có bản tự khai phù hợp với đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Bị đơn là ông Hoàng Trọng Q vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng

quy định về nội quy phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H được ly hôn với ông Hoàng Trọng Q. Về con chung: Giao cả hai con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có.

Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện bà Hoàng Thị H và ông Hoàng Trọng Q tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2011 và có đăng ký theo Giấy chứng nhận kết hôn số 111/2011 ngày 14 tháng 10 năm 2011 của UBND Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay, bà Hoàng Thị H có yêu cầu ly hôn với ông Hoàng Trọng Q, xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đang cư trú tại địa chỉ 595/7 (số mới: 825/7) Thống Nhất, Phường 13, quận Gò Vấp nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Hoàng Thị H là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà, ông Hoàng Trọng Q là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Trọng Q vì tình cảm vợ chồng không còn, ông Q sống không có trách nhiệm với gia đình, bỏ bê, không chăm sóc con cái. Ngoài ra, ông Q còn thường xuyên ăn nhậu, nhiều lần chửi mắng và đánh vợ. Vợ chồng cũng đã không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng Trọng Q cũng thừa nhận ông không chăm sóc gia đình, con cái. Theo trình bày của ông Q thì từ năm 2017 bà H cùng hai con bỏ về nhà cha mẹ ruột sống đến nay nhưng ông cũng không nói chuyện với vợ về việc hàn gắn tình cảm, không khuyên vợ trở về sống chung vì ông cũng không xác định được hiện còn tình cảm vợ chồng nữa hay không, hiện tại vợ muốn sống ở đâu thì sống. Ông Q không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đến tham gia phiên tòa, không có phương án để hàn gắn tình cảm, điều đó thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc, không quan tâm cũng như không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[4] Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”, nhưng theo trình bày của các đương sự thì bà H và ông Q không còn thương yêu, tôn trọng nhau; ông Q cũng không quan tâm, chăm sóc, cùng nhau

chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình để vun đắp cho cuộc sống mà còn nhiều lần chửi mắng, đánh đập vợ, vợ chồng cũng không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Điều này cho thấy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Thị H.

[5] Về con chung: Bà Hoàng Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con tên là Hoàng Mai Phương T, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2012 và Hoàng Trọng N, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2015; còn ông Hoàng Trọng Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hoàng Mai Phương T. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ và quyền của cha mẹ: *“1. ...chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức... 2. Trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên...”*, tuy nhiên, theo trình bày của ông Hoàng Trọng Q thì công việc của ông làm về đêm nên ban ngày phải ngủ bù không đưa đón chăm sóc con được. Như vậy là ông Q đã không dành thời gian để chăm lo việc học tập, giáo dục con, ông cũng không có thời gian để trông nom, chăm sóc con. Ông cũng thừa nhận tiền học của con do bà H tự lo vì ông làm nghề tự do nên thu nhập hàng tháng khoảng 4-5 triệu đồng và không ổn định. Tòa án đã yêu cầu ông Q giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nhưng ông Q đã không giao nộp. Việc ông yêu cầu nuôi cháu Hoàng Mai Phương T vì sợ nếu ly hôn thì bà H lấy chồng khác, con gái sống với cha dượng sẽ không tốt là không có căn cứ. Hơn nữa, việc ông Hoàng Trọng Q được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên tòa nên không có cơ sở để giao cháu Hoàng Mai Phương T cho ông trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Gò Vấp thì hiện nay hai con đang ở với mẹ. Điều này cũng phù hợp với lời trình bày của bà H về việc từ năm 2017 đến nay, bà đưa hai con về nhà cha mẹ ruột sống và bà là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con. Bà H cũng đã cung cấp cho Tòa án xác nhận của công ty nơi bà làm việc về mức thu nhập hàng tháng của bà trong 06 tháng liền kề là 16.050.000 đồng. Xét cả hai cháu Hoàng Mai Phương T và Hoàng Trọng N hiện đang sống với bà H và bà là người trực tiếp chăm sóc hai con từ trước đến nay, mức thu nhập hàng tháng của bà cũng đảm bảo được cuộc sống cho cả ba mẹ con. Vì vậy, để không làm xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoàng Mai Phương T là được sống với mẹ, cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc giao cả hai con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, bà H đề nghị được tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Hoàng Thị H:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H được ly hôn với ông Hoàng Trọng Q.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 111/2011 ngày 14/10/2011 của UBND Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực thi hành).

1.2. Về con chung: Giao cả hai con tên là Hoàng Mai Phương T, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2012 và Hoàng Trọng N, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2015 cho bà Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự giải quyết.

Ông Hoàng Trọng Q được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà Hoàng Thị H chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0025418 ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện KSND Q.Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND Phường 13, quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Điệp